

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2019/HS-PT
Ngày 30-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2019/TLPT-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị Lê E do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 78/2019/HS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị Lê E, sinh năm 1972 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 10, Đường 2/9, Khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An; nơi cư trú: Số 347A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T (đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1943; chồng: Thái Thanh T, sinh năm 1968; con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án: không; tiền sự: tại Quyết định số 1250/QĐ-XPVPHC ngày 20/3/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 40.000.000 đồng về hành vi buôn bán hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đinh Thị Bé M là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 26/02/2019, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an tỉnh Bến Tre kiểm tra hành chính xe mô tô biển số xxPx-xxx.xx của bị cáo Nguyễn Thị Lê E và xe mô tô biển số xxPx-xxx.xx của ông Thái Thanh T (chồng của bị cáo) đang dừng trước nhà số 249B, Khu phố 2, Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre thì phát hiện trên 02 xe mô tô có vận chuyển thuốc lá điều nhãn hiệu Scott và Jet nhập lậu nên tiến hành lập biên bản sự việc và thu giữ vật chứng gồm:

- 259 bao thuốc lá nhãn hiệu Scott (thu trên xe mô tô biển số xxPx-xxx.xx)
- 314 bao thuốc lá nhãn hiệu Scott và 299 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet (thu trên xe mô tô biển số xxPx-xxx.xx);
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số xxPx-xxx.xx;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số xxPx-xxx.xx;

Qua làm việc, bị cáo Nguyễn Thị Lê E khai nhận 573 bao thuốc lá nhãn hiệu Scott và 299 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet mà lực lượng Công an thu giữ trên 02 xe mô tô biển số xxPx-xxx.xx và biển số xxPx-xxx.xx là của bị cáo nhận từ một người tên T1 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) rồi cùng chồng là Thái Thanh T chở thuê từ chợ xã H, huyện M, tỉnh Long An về vòng xoay T thuộc địa phận thành phố B, tỉnh Bến Tre với giá 800.000 đồng nhưng chưa nhận tiền. Khi đến vòng xoay T, do người nhận thuốc lá chưa đến nên vợ chồng bị cáo chở thuốc lá đến nhà của chị Nguyễn Thị Ánh H ở số 249B, Khu phố x, Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre chơi thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện và thu giữ toàn bộ tang vật như trên.

Đối với ông Thái Thanh T đã có hành vi cùng Nguyễn Thị Lê E thực hiện hành vi vận chuyển hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu, nhưng hàng hóa dưới mức quy định. Trong khi ông Tuấn chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại các Điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật Hình sự và cũng chưa bị kết án về một trong các tội này nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ra Quyết định số: 565/QĐ-UBND ngày 28/3/2019, xử phạt hành chính đối với ông Thái Thanh T số tiền 85.000.000 đồng, đồng thời tịch thu 613 bao thuốc lá điều nhập lậu và 01 xe mô tô biển số xxPx-xxx.xx.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 78/2019/HS-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Lê E phạm “Tội vận chuyển hàng cấm”;

Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lê E 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 11/10/2019 bị cáo Nguyễn Thị Lê E kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị Lê E khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Lê E phạm “Tội vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; xử phạt bị cáo 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lê E 06 tháng tù về “Tội vận chuyển hàng cấm”; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

- Bị cáo tranh luận: yêu cầu được hưởng án treo.

- Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận: đồng ý về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo nên không tranh luận. Về tình tiết giảm nhẹ; xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hạ khung hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nếu có đủ điều kiện cho bị cáo hưởng án treo thì chấp nhận kháng cáo cho bị cáo hưởng án treo; nếu không đủ điều kiện cho bị cáo hưởng án treo thì hạ khung hình phạt để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời

khai tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: mặc dù đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua bán hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu. Nhưng vào ngày 26 tháng 02 năm 2019, bị cáo Nguyễn Thị Lê E tiếp tục có hành vi dùng xe mô tô biển số xxPx-xxx.xx cùng chồng là ông Thái Thanh T dùng xe mô tô biển số xxPx-xxx.xx vận chuyển thuê 573 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Scott và 299 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet từ chợ xã H, huyện M, tỉnh Long An về vòng xoay T thuộc địa phận thành phố B, tỉnh Bến Tre. Khi cả hai đến khu vực trước nhà số xxxB, Khu phố x, Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre thì bị lực lượng Công an tỉnh Bến Tre kiểm tra phát hiện và thu giữ tang vật; trong đó thu trên xe mô tô biển số xxPx-xxx.xx của bị cáo Nguyễn Thị Lê E là 259 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Scott và thu trên xe mô tô biển số xxPx-xxx.xx của ông Thái Thanh T là 314 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Scott và 299 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet. Với ý thức, hành vi, số lượng hàng phạm pháp và nhân thân của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Lê E phạm “Tội vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Lê E yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đồng thời xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về nhân thân bị cáo có 01 tiền sự, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1250/QĐ-XPVPHC ngày 20/3/2018 với số tiền 40.000.000 đồng về hành vi buôn bán hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu nhưng đến nay chưa nộp phạt; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công với đất nước, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, có 01 con bị bệnh bại não, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi buôn bán hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu theo quy định tại Điều 190 của Bộ luật Hình sự nhưng vì động cơ vụ lợi, mục đích kiếm lời, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi dùng xe mô tô chở 259 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Scott từ chợ xã H, huyện M, tỉnh Long An về thành phố B, tỉnh Bến Tre mà không có giấy phép hợp lệ, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất kinh doanh một số loại hàng cấm. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xử phạt bị cáo 06 tháng tù là mức khởi điểm của khung hình phạt là đã có xem xét

giảm nhẹ cho bị cáo; bị cáo đã có tiền sự do bị xử phạt vi phạm hành chính nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là có cơ sở; tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới so với các tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị nếu có đủ điều kiện thì cho bị cáo hưởng án treo; nếu không đủ điều kiện cho bị cáo hưởng án treo thì hạ khung hình phạt để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy đề nghị của người bào chữa cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp với quy định của pháp luật và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là chưa nghiêm nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Lê E; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 78/2019/HS-ST ngày 09-10-2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lê E 06 (sáu) tháng tù về “Tội vận chuyển hàng cấm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Thị Lê E phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời

hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND thành phố B (3b);
- Công an thành phố B (1b);
- VKSND thành phố B (1b);
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- UBND thị trấn T, huyện T;
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông